

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Công	Hiền	3772050676	08/02/1994	,00	,00	,00	CT
2	Nguyễn Văn	Hiền	3772050677	04/10/1995	8,00	3,80	5,10	
3	Nguyễn Văn	Hưng	3772050688	04/01/1995	6,00	5,00	5,30	
4	Ngô Văn	Mừng	3772050694	06/01/1995	6,00	2,50	3,60	
5	Nguyễn Tiến	Quang	3772050696	04/02/1995	6,00	5,00	5,30	
6	Tạ Công	Đồng	3772050697	30/06/1995	7,00	1,00	2,80	
7	Nguyễn Chí	Cường	3772050698	21/02/1995	7,00	5,00	5,60	
8	Trần Minh	Dũng	3772050701	06/03/1995	,00	,00	,00	CT
9	Đặng Song	Lam	3772050703	08/03/1995	6,50	1,50	3,00	
10	Đoàn Thanh	Hưng	3772050704	28/06/1995	7,00	2,00	3,50	
11	Đỗ Công	Linh	3772050706	21/05/1995	6,00	2,80	3,80	
12	Phạm Trọng	Nghĩa	3772050707	23/02/1993	7,00	2,00	3,50	
13	Hồ Thanh	Liêm	3772050708	26/04/1995	7,00	1,80	3,40	
14	Huỳnh Trung	Quý	3772050710	19/10/1995	6,00	,80	2,40	
15	Nguyễn Đức	Trung	3772050711	10/09/1994	6,00	2,80	3,80	
16	Dương Tuấn	Kiệt	3772050723	23/05/1994	8,00	2,80	4,40	
17	Trần Văn	Vĩnh	3772050726	05/07/1995	6,00	2,80	3,80	
18	Trần Ngọc	Tây	3772050727	10/10/1995	5,00	3,80	4,20	
19	Nguyễn Công	Hậu	3772050736	11/10/1995	8,00	4,80	5,80	
20	Trần	Hưng	3772050745	22/06/1995	5,00	2,80	3,50	
21	Lê Viết	Cường	3772050753	13/01/1994	6,00	4,30	4,80	
22	Lê Hữu	Hiệp	3772050759	10/06/1993	6,00	2,00	3,20	
23	Phạm Ngọc	Dự	3772050761	25/04/1995	7,00	5,00	5,60	
24	Nguyễn	Mỹ	3772050764	20/01/1995	8,00	3,30	4,70	
25	Hồ Thanh	Son	3772050771	26/09/1994	,00	,00	,00	CT
26	Bế Văn	Công	3772050775	07/10/1995	5,00	2,30	3,10	
27	Nguyễn Bá	Lim	3772050780	27/01/1995	6,50	4,80	5,30	
28	Nguyễn Văn	Trị	3772050782	17/04/1995	6,00	4,00	4,60	
29	Nguyễn Tấn	Vũ	3772050786	12/11/1995	7,00	2,00	3,50	
30	Huỳnh Phi	Hùng	3772050790	08/01/1995	7,00	4,30	5,10	
31	Nguyễn Thiên	Nhật	3772050802	26/11/1995	6,00	1,50	2,90	
32	Phạm Văn	Cường	3772050821	20/02/1995	,00	,00	,00	CT
33	Nguyễn Văn	Nghĩa	3772050823	14/09/1995	7,00	5,30	5,80	
34	Tô Thanh	Mộng	3772050827	16/04/1995	6,00	5,00	5,30	
35	Phạm Lê Xuân	Trường	3772051128	10/05/1995	,00	,00	,00	CT

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phan Lê Đắc Tú	3772051137	20/11/1995	6,00	1,50	2,90	
37	Lê Văn Thuận	3772051157	29/03/1995	6,00	4,00	4,60	
38	Trương Long	3772051159	21/07/1995	,00	,00	,00	CT
39	Đỗ Ngọc Tiến	3772051161	30/06/1995	6,00	2,50	3,60	
40	Lê Công Nhất	3772051180	26/03/1995	6,00	2,50	3,60	
41	Nguyễn Văn Tơ	3772051183	23/11/1994	,00	,00	,00	CT
42	Nguyễn Văn Thu	3772051188	20/12/1994	6,00			
43	Trần Đình Đỗ	3772051195	01/07/1995	8,00	4,50	5,60	
44	Đặng Minh Nhí	3772051207	19/08/1994	5,00	3,30	3,80	
45	Cao Văn Đạo	3772051227	14/01/1994	7,00	5,30	5,80	
46	Tiêu Văn Khiêm	3772051229	16/12/1995	6,50	1,80	3,20	
47	Phạm Văn Dương	3772051249	11/04/1995	,00	,00	,00	CT
48	Nguyễn Văn Trung	3772051260	26/03/1995	,00	,00	,00	CT
49	Trần Phú Thuận	3772051272	16/05/1995	7,00	2,00	3,50	
50	Phạm Ngọc Thắng	3772051296	02/03/1995	7,00	2,30	3,70	
51	Nguyễn Văn Hòa	3772051317	23/03/1995	,00	,00	,00	CT
52	Võ Sỹ Anh Tuấn	3772051319	02/01/1994	6,00	3,00	3,90	
53	Phạm Thanh Tuấn	3772051334	20/10/1994	6,00	1,80	3,10	
54	Nguyễn Văn Mạnh	3772051339	18/05/1993	6,00	5,00	5,30	
55	Giáp Phan Ngọc Quyền	3772051361	17/04/1994	6,00	3,50	4,30	
56	Đặng Phong Phú	3772051367	14/04/1995	6,00	5,50	5,70	
57	Nguyễn Trọng	3772051377	11/11/1994	,00	4,80	3,40	
58	Phan Văn Tuấn	3772051405	12/01/1995	7,00	4,00	4,90	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)